VIETNAM 1:50,000

EDITION 1–AMS
XUẤT-BẢN LẦN THỨ 1–AMS

BA TƠ

SHEET 6738 IV
SERIES L7014

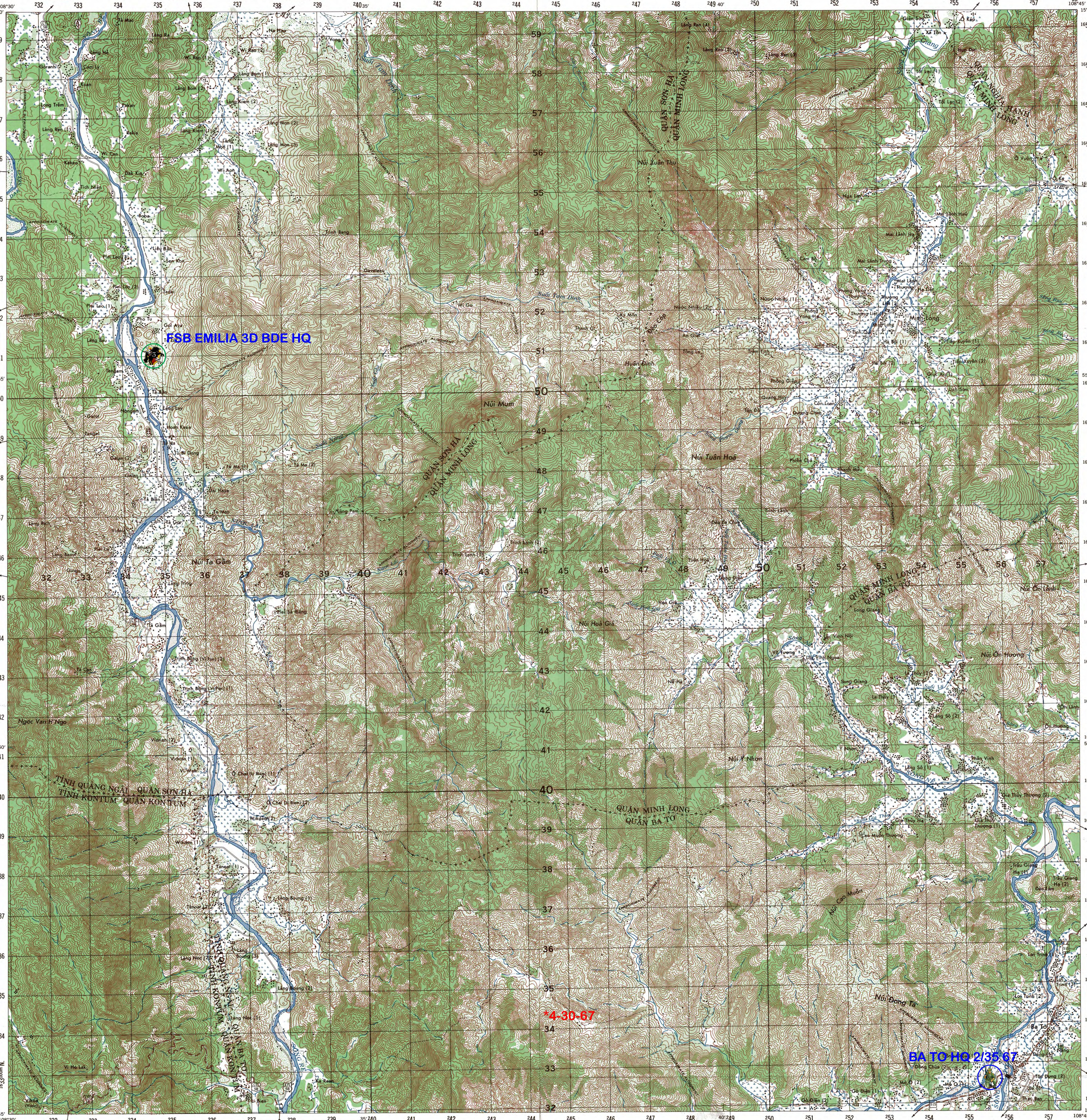

GARRETT	ROGER	4/30/1967	6738-4	BS444344	1ST BN HHC

LEGEND—CHÚ-TỪ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN-ĐỒ TIN-TỨC NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Trên bản-đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL–20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS-10 METERS

SPHEROID .... EVEREST
GRID ... 1,000 METER UTM: ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION .... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM .... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM .... INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY .... AMS (LU), U.S. ARMY, 1966
NAMES BY .... NGS, VIETNAM
CONTROL BY .... USAMSFE; NGS, VIETNAM

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TỪNG: 10 MÉT

KHỐI BẦU-DỤC .... EVEREST
Ô VUÔNG .... UTM TỪNG 1,000 MÉT: KHU HÌNH THOI 49 (NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ ĐEN)
HỆ-THỐNG CHIẾU .... U.T.M.
BÌNH-DIỆN CHUẨN .... MẶT BIỂN TRUNG-BÌNH TẠI HÀ TIÊN
HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU CHUẨN .... HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU ẤN-ĐỘ 1960

ELEVATION GUIDE
BOUNDARIES
ADJOINING SHEETS

GLOSSARY — CỒ-TỪ

BA TO, VIETNAM